



páo zi
袍子

noun · robe, gown

Example Sentence

Gǔ dài shū shēng cháng chuān qīng sè páo zi
古代书生常穿青色袍子。

Ancient scholars often wore blue robes.

Trace each character, then write the word on your own.

袍	袍	袍	袍	袍	袍	袍	袍	袍	袍	袍
袍	袍									
子	子	子	子	子	子					